

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 5- 2019
V/v : Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hồng.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Văn Tư.
- Ông Nguyễn Trung Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý Số 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thụy Vân N; sinh năm 1980; nơi cư trú tại Số H đường NCT, Phường 2, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông Vu Steve Q; sinh năm 1963 nơi cư trú Số X HA, GG, CA 92841, USA.

(bà N có mặt tại phiên tòa, ông Vu Steve Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 17/10/2018 và bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Vân N trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà và ông Vu Steve Q quen biết nhau vào đầu năm 2018 thông qua mạng xã hội, sau một thời gian liên lạc, tìm hiểu hai người quyết định đăng kết hôn vào ngày 23/7/2018 tại Ủy ban nhân dân thành phố BL. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn hai người cùng sống chung tại thành phố BL được 01

tháng, thời gian ban đầu quan hệ tình cảm vợ chồng hạnh phúc, sau đó giữa hai người phát sinh mâu thuẫn do những va chạm trong quan điểm dạy dỗ con cái riêng của hai người từ đó bắt đầu phát sinh những bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sinh hoạt thường ngày nên thường xuyên xảy ra cãi vã, không tôn trọng nhau, người nào cũng bảo vệ con riêng và bảo vệ quan điểm sống của mình nên đến tháng 8/2018 ông Vu Steve Q trở về Hoa Kỳ để cư trú và sinh sống cho đến nay, giữa hai người rất ít liên lạc với nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng, không thể hòa hợp được. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Vu Steve Q.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung:

Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung và thời gian chung sống ngắn ngủi chỉ khoảng 01 tháng nên, không có tài sản chung và không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 15/3/2019 của ông Vu Steve Q (đã được hợp pháp hóa lãnh sự tại Bang California ngày 04/4/2019) trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông và bà Nguyễn Thụy Vân N đăng ký kết hôn ngày 23/7/2018 tại Ủy ban nhân dân thành phố BL, trước khi kết hôn hai người có thời gian tìm hiểu và quen biết nhau qua mạng xã hội, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn hai người chung sống tại thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam. Quá trình chung sống vợ chồng đúng như lời bà N trình bày. Sau khi trở lại Hoa Kỳ định cư sinh sống vợ chồng không thường xuyên liên lạc với nhau do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng và không thể hòa hợp được. Nay bà N yêu cầu xin ly hôn, ông cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà N.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung:

Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung và thời gian chung sống ngắn ngủi chỉ khoảng 01 tháng nên, không có tài sản chung và không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không được do bị đơn ông Vu Steve Q có yêu cầu đề nghị Tòa án cho được vắng mặt vì không thể về Việt Nam tham gia phiên họp, hòa giải và phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông Vu Steve Q. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của bị đơn ông Vu Steve Q đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn bà N. Về con chung, tài sản chung và nợ chung nguyên đơn bà N và

bị đơn ông Vu Steve Q đều xác định không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc Thẩm phán và đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong giai đoạn sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thụy Vân N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm và ý kiến trình bày của bị đơn trong bản tự khai đề nghị xét xử vắng mặt được công khai tại phiên tòa, qua ý kiến đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thụy Vân N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Vu Steve Q hiện đang cư trú tại X HA, GG, CA 92841, USA. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết bị đơn ông Vu Steve Q đang định cư tại nước ngoài và không có mặt tại Việt Nam. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên - Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam 2014 và điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Vu Steve Q vắng mặt có bản tự khai và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bản tự khai của bị đơn ông Vu Steve Q đã được chứng nhận lãnh sự theo quy định tại Điều 124 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam 2014 nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng tiến hành xét xử vắng mặt ông Vu Steve Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thụy Vân N và ông Vu Steve Q có thời gian tìm hiểu thông qua mạng xã hội, sau đó tìm gặp và phát sinh tình cảm và quyết định tiến tới hôn nhân. Hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng ngày 23/7/2018. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, giữa hai người có thời gian đầu hạnh phúc, tuy nhiên do bất đồng quan điểm sống và bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con riêng của mỗi người nên vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Vào tháng 8/2018 ông Vu Steve Q cùng con trai riêng trở về Mỹ định cư cho đến nay, do khoảng cách về địa lý và do mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa hợp được nên hai người không còn quan tâm đến nhau, cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Vân N yêu cầu được ly hôn với ông Vu Steve Q và ông Vu Steve Q đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thụy Vân N. Hội đồng xét xử

xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thụy Vân N và ông Vu Steve Q đã quá trầm trọng, hai người không còn thương yêu, không còn quý trọng, không chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cho bà Nguyễn Thụy Vân N và ông Vu Steve Q được ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông Vu Steve Q xác định không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, 56, 127 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, 228, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn giữa bà Nguyễn Thụy Vân N đối với ông Vu Steve Q.
2. Cho bà Nguyễn Thụy Vân N và ông Vu Steve Q được ly hôn.
3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thụy Vân N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0012741 ngày 06/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày (*Mười lăm ngày*) kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thụy Vân N được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng ông Vu Steve Q vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 01 (*Một*) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- UBND tp Bảo Lộc;
- Cục Thi hành án tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hữu Hồng